

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 221/2026/HS-ST
Ngày: 05-8-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Minh Nhựt;
- Ông Thượng Văn Trí.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Triều Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2026; tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 279/2026/TLST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2026/QĐXXST-HS ngày 23/7/2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Vĩ K (tên gọi khác: không), sinh năm 2003, tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: Tổ D, ấp C, xã V, tỉnh An Giang; chỗ ở: Nhà T, đường D, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; CCCD số: 091203013178, cấp ngày 18/3/2024; con ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị P; bị cáo có vợ tên Hồ Thị Hồng T và 01 con, sinh năm 2025; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an Thành phố H từ ngày 05/02/2026 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại: Nguyễn Thị T1, sinh năm 1977, trú tại: C20 B, đường N, khu phố F, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1978 – có mặt;
- Bà Trần Thị P, sinh năm 1982 – vắng mặt.

Cùng đăng ký thường trú tại: Tổ D, ấp C, xã V, tỉnh An Giang; tạm trú tại: Ấp E, xã A, Thành phố Đ.

- Người làm chứng:

1. Ông Quách Minh T2 – vắng mặt.
2. Ông Lê Văn S – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 05/02/2026, khi đang ở quán ăn không tên thuộc khu phố F, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, do đang cần tiền tiêu xài và trả nợ, Nguyễn Văn K nảy sinh ý định tìm tài sản của người đi đường để cướp giật rồi nhanh chóng tẩu thoát. Thực hiện ý định, K điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vario, biển số 68AA – 965.84 chạy trên các tuyến đường thuộc địa bàn phường T, Thành phố Hồ Chí Minh tìm người đi đường có tài sản để cướp giật. Đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, khi đi đến đoạn đường N, khu phố F, phường T, K phát hiện bà Nguyễn Thị T1 đang điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 95B2-030.18 đi một mình chạy phía trước cùng chiều với K và trên cổ bà T1 có đeo 01 sợi dây chuyền vàng. Lúc này, K quan sát thấy đoạn đường vắng ít người qua lại nên K nhanh chóng điều khiển xe mô tô biển số 68AA-965.84 áp sát từ phía sau bên phải xe của bà T1 và dùng tay trái giật mạnh sợi dây chuyền bà T1 đang đeo trên cổ làm sợi dây chuyền bị đứt làm 02 đoạn. K cầm 01 đoạn dây chuyền, rồi nhanh chóng tăng ga bỏ chạy, còn 01 đoạn dây chuyền rơi xuống đất. Lúc này, bà T1 liền tri hô “cướp, cướp” thì cùng lúc này có ông Quách Minh T2 và ông Lê Văn S đang điều khiển xe mô tô đi trên đường nghe tiếng tri hô nên điều khiển xe mô tô truy đuổi K qua nhiều tuyến đường khác nhau trên địa bàn phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến đoạn đường D, K thấy sắp bị đuổi kịp nên bỏ xe chạy bộ, ông T2 và ông S cũng bỏ xe chạy bộ đuổi theo bắt giữ được K và giao nộp cho Công an phường T cùng vật chứng là 01 đoạn dây chuyền. Về phía bà T1, sau khi nhặt đoạn dây chuyền còn lại rơi xuống đường thì cũng đến Công an phường T trình báo.

Vật chứng thu giữ: 01 đoạn dây chuyền bằng kim loại màu vàng dài khoảng 20cm; 01 đoạn dây chuyền bằng kim loại màu vàng dài khoảng 19,5cm; 01 xe mô tô hiệu Honda Vario, màu xanh đen, biển số 68AA – 965.84.

Theo Giấy kết quả thử nghiệm số 03032026/PNJL-TNV của Công ty TNHH MTV G thì 01 đoạn sợi dây chuyền dài 20cm có khối lượng 3,706 gram, hàm lượng vàng 61,82% và 01 đoạn sợi dây chuyền dài 19,5cm có khối lượng 3,539 gram, hàm lượng vàng 61,72%.

Theo Kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS ngày 20/5/2026 của Hội đồng định giá trong tổ tụng Hình sự phường T, kết luận: 1 đoạn sợi dây chuyền dài 20cm có khối lượng 3,706 gram, hàm lượng vàng 61,82% trị giá 10.386.000 đồng và 01 đoạn sợi dây chuyền dài 19,5cm có khối lượng 3,539 gram, hàm lượng vàng 61,72% trị giá 9.918.000 đồng.

Đối với xe mô tô biển số 68AA – 965.84, do bà **Trần Thị P** là mẹ của **K** đứng tên đăng ký. Bà **P** cho **K** mượn xe làm phương tiện đi lại, bà **P** không biết việc **K** sử dụng xe thực hiện hành vi phạm tội.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an Thành phố H** đã xử lý giao trả: 02 đoạn sợi dây chuyền cho bà **Nguyễn Thị T1** và xe mô tô biển số 68AA – 965.84 cho bà **Trần Thị P**.

- Ngày 18/5/2026, cha của **K** là ông **Nguyễn Văn C** bồi thường cho bà **T1** số tiền 20.000.000 đồng, bà **T1** không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho **K**.

Bản Cáo trạng số 137/CT-VKSHCM-KV ngày 13/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh đã Quyết định truy tố bị cáo **Nguyễn Vĩ K** về tội “cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận: Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã mô tả; bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với Kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS ngày 20/5/2026 của Hội đồng định giá trong tố tụng Hình sự **phường T**, không có ý kiến gì đối với nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Vĩ K** phạm tội “cướp giật tài sản”.
- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo **Nguyễn Vĩ K** từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.
- Về biện pháp tư pháp: Đã giải quyết xong.

Bị cáo không tranh luận đối với quan điểm luận tội của đại diện Viện Kiểm Sát.

Lời nói sau cùng, bị cáo trình bày: Bị cáo nhận thức hành vi sai trái của mình, hứa sẽ không tái phạm, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo được về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại

gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

[2.1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với Biên bản tiếp nhận người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang vào lúc 21h30' ngày 05/02/2026, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ kết luận bị cáo đã thực hiện hành vi cướp giật sợi dây chuyền của bị hại **T1** như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả.

[2.2] Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn thực hiện nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự tương ứng với tính chất và mức độ phạm tội đã gây ra.

[2.3] Hành vi điều khiển xe mô tô áp sát từ phía sau bên phải xe của bị hại **T1** và dùng tay trái giật mạnh sợi dây chuyền của bị hại rồi nhanh chóng tăng ga bỏ chạy của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “cướp giật tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số 137/CT-VKSHCM-KV ngày 13/7/2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh cũng như ý kiến luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm đối với xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, xâm phạm đến trật tự công cộng nên cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt thật nghiêm tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại, khắc phục hậu quả; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Xét thấy mức hình phạt mà Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về biện pháp tư pháp: tài sản đã thu hồi giao trả bị hại, ông **Nguyễn Văn C** (cha của bị cáo **K**) đã bồi thường cho bà **T1** số tiền 20.000.000 đồng, bà **T1** không có yêu cầu gì thêm, ông **C** không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền nêu trên

nên không xem xét. Đối với xe mô tô biển số 68AA – 965.84 bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội có nguồn gốc do bà **Trần Thị P** là mẹ của **K** đứng tên đăng ký, bà **P** cho **K** mượn xe làm phương tiện đi lại và không biết việc **K** sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Điều tra đã trả lại xe cho bà **P** là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Vĩ K** phạm tội “cướp giật tài sản”.
2. Về hình phạt: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và 2025;
Xử phạt bị cáo **Nguyễn Vĩ K** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/02/2026.
3. Về biện pháp tư pháp: đã giải quyết xong.
4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2025 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.
5. Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Hồ sơ – Công an Thành phố Hồ Chí Minh (PV06);
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 18 – Tp Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh
- Trại tạm giam số 2 - Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Phương